

Bản án số: 378/2023/DS-PT
Ngày: 13-7-2023
V/v tranh chấp: “Yêu cầu chấm dứt
hành vi trái pháp luật”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp “Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2023/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 623/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh 1963 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Ngân hàng N1;

Địa chỉ: đường L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N1 Việt Nam;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện C, tỉnh Tiền Giang (theo Quyết định ủy quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHN-PC ngày 01/12/2022) (có yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phong Văn C, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Trương Văn M1, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

**** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:***

Nguồn gốc đất của ba thửa đất số 416, 419 và 421 cùng tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang là của ông Nguyễn Văn L (đã chết) là ông nội của ông Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Y và Nguyễn Văn T canh tác trước năm 1975. Khi ông L còn sống có cho đào con mương chiều dài khoảng 100m chiều ngang 2m từ kênh Cầu Sao đến qua các thửa đất 419 và 421 đụng đến thửa 416, mục đích để tưới tiêu và dùng để vận chuyển lúa ra ngoài.

Sau đó ông Nguyễn Văn L tặng 03 thửa đất trên cho 03 người con trai là:

- Thửa 416 diện tích 5.382,4m² tặng cho ông Nguyễn Văn T1 (đã chết), ông T1 cho lại con trai là Nguyễn Văn M và đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/10/2009.

- Thửa 419 tặng cho ông Nguyễn Văn B, ông B cho lại con trai là Nguyễn Văn T.

- Thửa 421 diện tích 2.424m² tặng cho ông Nguyễn Văn Đ (chết) cho lại con trai là Nguyễn Văn Y và đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/4/1999.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 22/10/2009 do Nguyễn Văn M đứng tên có thể hiện con mương có chiều ngang 2m và chiều dài từ đất của ông M đến đầu kênh. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay con mương này không C hiện trạng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông M. Lý do ông Nguyễn Văn Y sang nhượng thửa đất số 420 loại đất lúa, tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang của bà Phạm Thị Đ1; đến năm 2013 ông Y ban đất trên bờ ranh của thửa 420 xuống làm cho con mương bị hẹp có đoạn chiều ngang

chỉ còn 0,5m đến 0,7m. Điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông trong việc tưới tiêu và cản trở việc vận chuyển lúa ra bên ngoài.

Nay ông M yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Y trả lại hiện trạng phần đất trước đây của con mương có chiều ngang là 2m và chiều dài từ đất của ông M đến đầu kênh nội đồng. Cụ thể yêu cầu trả lại diện tích đất là $59,5\text{m}^2$ ($58,2\text{m}^2 + 1,3\text{m}^2$) theo Phiếu xác nhận kết đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25/7/2017.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn Y trình bày:*

Ông và ông Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T có quan hệ chú bác ruột. Các thửa đất 416, 419 và 421 có nguồn gốc của ông nội là Nguyễn Văn L (chết) để lại. Khi ông L còn sống có đào con mương để tưới tiêu và vận chuyển lúa ra con kênh nội đồng. Sau đó ông L cho các con trai là Nguyễn Văn B (cha ông T), Nguyễn Văn T1 (cha của ông M) và Nguyễn Văn Đ (cha của Nguyễn Văn Y). Các ông B, ông T1 và ông Đ lần lượt cho lại các con trai là Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn Y, hiện nay các thửa đất này đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Con mương ông Nguyễn Văn L đào có bề ngang là 01 mét, hai bên bờ mỗi bên là 0,5m chiều dài từ thửa 416 đến con kênh nội đồng.

Vào năm 1995, ông có chuyển nhượng của bà Phạm Thị Đ1 thửa đất 420 diện tích 1.500m^2 được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích đất là 5.563m^2 (gồm các thửa 420 diện tích 1.500m^2 , thửa 421 diện tích 2.242m^2 , thửa 484 diện tích 1.639m^2), tờ bản đồ số 1, cùng toạ lạc tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Con mương đang tranh chấp đi qua các thửa đất của ông T (419), của ông Y (thửa 421 và 420), đất của ông Phong Văn B1 (thửa 447) và cuối cùng đến đất của ông Nguyễn Văn M (thửa 416).

Quá trình sử dụng thửa đất 420 ông không có san lấp con mương, vì nếu san lấp con mương buộc ông phải đóng cọc để giữ đất. Hiện nay con mương vẫn có bề ngang 01 mét hai bên bờ là 0,5m giống như ban đầu. Ông khẳng định không có ban đất từ thửa đất số 420 xuống để lấp con mương.

Nay ông Nguyễn Văn M khởi kiện buộc ông trả lại diện tích đất $59,5\text{m}^2$ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 25/7/2017, có vị trí tứ cận:

- Hướng Bắc giáp với con mương;
- Hướng Nam giáp với đất của ông Nguyễn Văn Y (thửa 420);
- Hướng Đông giáp với đường đất;
- Hướng Tây giáp với đất ông Phong Văn B1 (thửa đất 447);

Ông không đồng ý vì hai thửa đất của ông là thửa đất số 421 (của cha để lại) và thửa 420 (mua của bà Phạm Thị Đ1) đều không có giáp đất của ông M, lòng mương cũng không bị hẹp.

Vào khoảng năm 2017, vợ chồng ông có vay tiền tại Ngân hàng N1 để chăn nuôi, hiện nay đã trả xong khoản vay trên cho ngân hàng và đã nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N1 trình bày:*

Vào ngày 17/03/2017, Phòng giao dịch L1 – Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện C, tỉnh Tiền Giang có ký Hợp đồng tín dụng số 1965/HĐTD với ông Nguyễn Văn Y. Theo hợp đồng này, ông Nguyễn Văn Y vay số tiền là 100.000.000 đồng, mục đích vay để nuôi cá tai tượng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay là 10%/ năm. Đồng thời, Ngân hàng có giữ hộ tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.563m² gồm các thửa đất số 420, 421, 484 tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Văn Y đứng tên cấp ngày 28/04/1994 (bản chính). Ngân hàng xin được vắng mặt tất cả các phiên họp, xét xử.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn Y có quan hệ vợ chồng. Thửa đất 421 là do cha chồng để lại, còn thửa 420 do vợ chồng mua của bà Phạm Thị Đ1. Hiện các thửa đất này vợ chồng bà đang canh tác trồng lúa. Nay bà thống nhất với ý kiến của chồng, không trình bày gì thêm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 419 hiện do ông đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi xưa là của ông Nguyễn Văn L (là ông nội). Khi ông L còn sống có đào con mương để khai thông dòng chảy, lòng đáy lọt lòng là 1m, hai bên bờ mỗi bên là 0,5m, từ xưa đến nay đường nước vẫn như cũ không thay đổi. Việc ông Nguyễn Văn M khởi kiện con mương ngang 2m từ kênh nội đồng đến đất của ông M là sai. Ông T có đơn xin vắng mặt các phiên hoà giải, công khai chứng cứ và xét xử.

** Người làm chứng anh Phong Văn C trình bày:*

Vào năm 1995, mẹ của ông là bà Phạm Thị Đ1 có chuyển nhượng diện tích đất 1.500m² cho ông Nguyễn Văn Y là phần đất giáp với đường nước của ông Nguyễn Văn L. Phần bờ đường mương mỗi bên là 1/2. Từ khi sang nhượng đến nay đường mương vẫn như cũ không có thay đổi.

** Người làm chứng ông Trương Văn M1 trình bày:*

Con đường nước đang tranh chấp là của ông Nguyễn Văn L đào từ kênh nội đồng kéo dài đến thửa đất 416. Chiều ngang con mương là 01 mét và mỗi bờ hai bên là 0,5 mét, con mương này đến nay vẫn không thay đổi.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2023/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 169 của Bộ luật Dân sự; Điều 163 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Y trả lại diện tích đất 59,5m² tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp với đường nước;
- Hướng Nam giáp với đất ông Nguyễn Văn Y (thửa 420);
- Hướng Đông giáp với đường đất;
- Hướng Tây giáp đất ông Phong Văn B1 (thửa 447).

Theo Biên bản thẩm định và định giá ngày 22/7/2017 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25/7/2017.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 12/4/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm (đơn đề ngày 09/4/2023), yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, buộc ông Y phải tháo dỡ đất đã lấp mương nước, làm thông thoáng mương nước có chiều ngang mương nước công cộng là 2m theo như sơ đồ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho ông ngày 22/10/2009.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Theo nội dung vụ án, nguyên đơn không tranh chấp về quyền sử dụng đường nước, mà yêu cầu bị đơn mở rộng đường nước để nguyên đơn sử dụng phần đất phía trong của mình nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật” là phù hợp quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn T, đại diện Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện C; và người làm chứng: Phong Văn C, Trương Văn

M1; đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt họ.

- Các đương sự thống nhất tranh chấp liên quan đến đường nước trên là đường nước công cộng do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C quản lý. Tòa án cần xác định việc ông Y có thực hiện hành vi lấn chiếm làm hẹp lòng đường nước nhằm cản trở việc tưới tiêu, lưu thông của ông M khi sử dụng phần đất phía trong hay không; nên yêu cầu này không làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của Ủy ban, do đó không cần thiết phải đưa Ủy ban nhân dân huyện C tham gia tố tụng.

[2]. Nội dung xét kháng cáo:

[2.1]. Nội dung vụ án:

- Thửa đất số 416 thuộc quyền sử dụng đất của nguyên đơn Nguyễn Văn M.
- Thửa đất số 419 thuộc quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T.
- Thửa đất số 421 thuộc quyền sử dụng đất của bị đơn Nguyễn Văn Y.

Các thửa đất này cùng tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc các thửa đất này là của cụ Nguyễn Văn L, là ông Nội của ông M – ông T – ông Y. Trước năm 1975, cụ Láo đào con mương ngang khoảng 02 mét, chiều dài giáp kênh nội đồng đến thửa 419. Khi cụ Láo chết, thì ông M – ông T – ông Y được hưởng thừa kế từ cha của các ông. Con mương có cạnh giáp với đất bà Phạm Thị Đ1, ngày 12/9/1997 bà Đ1 chuyển nhượng lại cho ông Y, nay thành thửa đất số 420.

Thửa đất số 416 của ông M tiếp giáp về cạnh tây thửa 419 của ông T và đầu cuối của con mương theo biên bản đo đạc ngày 25/02/2009 (BL 49). Ông M cho rằng, do ông Y ban đất thửa 420 làm hẹp con mương nên yêu cầu ông Y mở rộng lòng mương khoảng 59,5m² đất theo vị trí của Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25/7/2017 (BL 77).

[2.2]. Về yêu cầu kháng cáo: Đơn kháng cáo ngày 09/4/2023 (BL 212) nguyên đơn Nguyễn Văn M yêu cầu cấp phúc thẩm xử: Buộc ông Y phải tháo dỡ đất đã lấp mương để làm thông thoáng mương nước công cộng có bề rộng mặt nước là 02 mét theo như sơ đồ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông ngày 22/10/2009.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: H 01067 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn M ngày 22/10/2009 (BL 13) thể hiện đầu thửa đất 416 về hướng tây cuối đường nước công cộng, đường nước này nối dài qua các thửa đất số 419, 421 (nằm về cạnh bắc của đường nước) và thửa 420 (nằm trọn về cạnh nam của đường nước). Căn cứ Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất 420 ngày 25/7/2017 (BL 77) thể hiện:

- Đầu đường nước về hướng đông giáp đường đất ký hiệu 1-2 (chiều rộng con mương) là 1,99 mét.

- Phần cuối đường nước về hướng tây giáp đất ông M thửa 416 ký hiệu 8-9 (chiều rộng con mương) là 2,33 mét.

Đôi chiếu với sơ đồ thửa đất 416 của ông M thì đường nước công cộng 02 mét là không thay đổi.

Đồng thời, theo Công văn số 17/UBND ngày 10/10/2016 của Ủy ban nhân dân xã Đ thể hiện vào ngày 25/8/2016 ông M và ông Y thống nhất: Ông Y có trách nhiệm đào trả lại lòng đường nước 01 mét; ông T và ông Y có nghĩa vụ đắp bờ cho đường nước mỗi bên là 0,5 mét... (BL 14) Ông M kháng cáo cho rằng khi sử dụng thửa đất số 420, ông Y đã tự ý lấp mương nước chung làm cho mương nước có chỗ hẹp lại chỉ còn từ 5 – 7 tấc, nhưng không chứng minh được ông Y có hành vi ban đất lấp làm hẹp lòng đường nước vi phạm thỏa thuận sau ngày 25/8/2016.

Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3]. Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 169 của Bộ luật Dân sự; Điều 163 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2023/DS-ST ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Y trả lại diện tích đất 59,5m² tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp với đường nước;
- Hướng Nam giáp với đất ông Nguyễn Văn Y (thửa 420);
- Hướng Đông giáp với đường đất;
- Hướng Tây giáp đất ông Phong Văn B1 (thửa 447).

Theo Biên bản thẩm định và định giá ngày 22/7/2017 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 25/7/2017.

2/ Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 26006 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; như vậy ông M đã nộp đủ án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn M chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021625 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; như vậy ông M đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt